

Số: 63 /2025/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 15 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 124/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 15/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã

hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 37/TTr-SGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; giáo dục đại học (nếu có) và thực hiện các chức năng khác theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trụ sở làm việc: Số 603 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động và người học trong các cơ sở giáo dục công lập.

c) Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo.

e) Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

g) Quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân tỉnh được giao theo quy định của pháp luật.

h) Quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

i) Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

k) Hồ sơ về công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, xóa mù chữ độ 2 và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

l) Các nội dung khác để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo yêu cầu, đề nghị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Ban hành các văn bản về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

b) Quyết định ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

c) Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trực thuộc tỉnh theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định.

d) Quyết định cho phép thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị theo quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Quyết định chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Quyết định công bố tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với tỉnh theo quy định.

g) Quyết định phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài theo quy định.

h) Quyết định cấp, gia hạn, chấm dứt hoạt động, sửa đổi, bổ sung quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.

i) Quyết định cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định.

k) Các nội dung khác để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục và quyết định thành lập, cho phép thành lập phân hiệu, chấm dứt hoạt động phân hiệu trường trung cấp thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Về tài chính, tài sản cho giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; quản lý tài sản của các cơ sở giáo dục được giao theo quy định của pháp luật.

b) Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương trình cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

5. Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động và đào tạo, bồi dưỡng

a) Chủ trì thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo, quy định của pháp luật có liên quan và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với việc tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, thuyên chuyển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì thực hiện quản lý, sử dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của Luật Nhà giáo.

6. Về vị trí việc làm, cơ cấu công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo

chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý; quản lý vị trí việc làm, viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

b) Bảo đảm đủ biên chế công chức quản lý giáo dục, đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ viên chức, người lao động và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

d) Quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ chính sách khác theo quy định đối với viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Về nội dung, chương trình giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh; đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

b) Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và toàn xã hội.

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Tổng hợp nguyện vọng của người dân tộc thiểu số trên địa bàn và lập báo cáo về việc đảm bảo các điều kiện và đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn.

8. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

a) Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường và quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật

đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý; công nhận, bổ sung, kiện toàn hội đồng trường, hội đồng quản trị, công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị hoặc chấm dứt hoạt động của hội đồng quản trị của các cơ sở giáo dục tư thục thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định. Quyết định bổ nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu của các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

b) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ.

d) Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

đ) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; đảm bảo các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục.

e) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục.

g) Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo.

h) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn.

i) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền.

k) Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định và bộ chỉ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

9. Về kiểm tra trong giáo dục

a) Hướng dẫn, kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cấp xã.

c) Thực hiện kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm giáo dục và đào tạo trên địa bàn.

đ) Hướng dẫn kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn tỉnh.

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

10. Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương.

11. Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống quản lý trường học và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo.

14. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

15. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong phạm vi được phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật và các quy định khác của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo có Giám đốc và không quá 03 (ba) Phó Giám đốc

a) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các tổ chức hành chính thuộc Sở: 07 tổ chức

a) Văn phòng (bao gồm công tác pháp chế).

b) Phòng Tổ chức cán bộ.

c) Phòng Kế hoạch - Tài chính.

d) Phòng Quản lý chất lượng.

đ) Phòng Giáo dục phổ thông.

e) Phòng Giáo dục mầm non.

g) Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở: 76 đơn vị (Có phụ lục kèm theo)

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

1. Việc sắp xếp giảm số lượng cấp phó theo quy định thực hiện trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính mà vẫn là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này, thực hiện chế độ, chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện việc bố trí, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự của Sở; đề xuất, tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy định;

b) Chỉ đạo việc sắp xếp, tổ chức lại, giải thể (nếu có) các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở gắn với việc tinh giản biên chế đảm bảo theo các Kế hoạch, Chương trình, Quyết định của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của Sở Giáo dục và Đào tạo; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, ngành: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực IV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*lca*

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý, xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở DLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, CV NC. *lca*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nghiêm

DANH SÁCH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HUNG YÊN
(Kèm theo Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Tên đơn vị sự nghiệp công lập | Địa chỉ trụ sở làm việc |
|-----------|---|------------------------------------|
| 1. | Trường Trung học phổ thông Chuyên Hưng Yên | Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên |
| 2. | Trường Trung học phổ thông Hưng Yên | Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên |
| 3. | Trường Trung học phổ thông Tiên Lữ | Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên |
| 4. | Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo | Xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên |
| 5. | Trường Trung học phổ thông Phù Cừ | Xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên |
| 6. | Trường Trung học phổ thông Nam Phù Cừ | Xã Tổng Trân, tỉnh Hưng Yên |
| 7. | Trường Trung học phổ thông Kim Động | Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên |
| 8. | Trường Trung học phổ thông Đức Hợp | Xã Đức Hợp, tỉnh Hưng Yên |
| 9. | Trường Trung học phổ thông Nghĩa Dân | Xã Nghĩa Dân, tỉnh Hưng Yên |
| 10. | Trường Trung học phổ thông Ân Thi | Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên |
| 11. | Trường Trung học phổ thông Phạm Ngũ Lão | Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên |
| 12. | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Ngạn | Xã Hồng Quang, tỉnh Hưng Yên |
| 13. | Trường Trung học phổ thông Yên Mỹ | Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên |
| 14. | Trường Trung học phổ thông Minh Châu | Xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên |
| 15. | Trường Trung học phổ thông Triệu Quang Phục | Xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên |
| 16. | Trường Trung học phổ thông Mỹ Hào | Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |
| 17. | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thiện Thuật | Phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên |
| 18. | Trường Trung học phổ thông Văn Lâm | Xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên |
| 19. | Trường Trung học phổ thông Trưng Vương | Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên |
| 20. | Trường Trung học phổ thông Khoái Châu | Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên |
| 21. | Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải | Xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên |
| 22. | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Siêu | Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên |
| 23. | Trường Trung học phổ thông Văn Giang | Xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên |
| 24. | Trường Trung học phổ thông Dương Quảng Hàm | Xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên |
| 25. | Trường Trung học phổ thông Đông Tiền Hải | Xã Đông Tiền Hải, Tỉnh Hưng Yên |
| 26. | Trường Trung học phổ thông Nam Tiền Hải | Xã Hưng Phú, Tỉnh Hưng Yên |
| 27. | Trường Trung học phổ thông Tây Tiền Hải | Xã Tiền Hải, Tỉnh Hưng Yên |
| 28. | Trường Trung học phổ thông Bình Thanh | Xã Bình Thanh, Tỉnh Hưng Yên |
| 29. | Trường Trung học phổ thông Bắc Kiến Xương | Xã Lê Lợi, Tỉnh Hưng Yên |
| 30. | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du | Xã Kiến Xương, Tỉnh Hưng Yên |
| 31. | Trường Trung học phổ thông Chu Văn An | Xã Vũ Quý, Tỉnh Hưng Yên |
| 32. | Trường Trung học phổ thông Đông Hưng Hà | Xã Diên Hà, Tỉnh Hưng Yên |
| 33. | Trường Trung học phổ thông Nam Duyên Hà | Xã Hồng Minh, Tỉnh Hưng Yên |
| 34. | Trường Trung học phổ thông Bắc Duyên Hà | Xã Hưng Hà, Tỉnh Hưng Yên |
| 35. | Trường Trung học phổ thông Hưng Nhân | Xã Long Hưng, Tỉnh Hưng Yên |
| 36. | Trường Trung học phổ thông Quỳnh Thọ | Xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên |
| 37. | Trường Trung học phổ thông Quỳnh Côi | Xã Quỳnh Phụ, Tỉnh Hưng Yên |
| 38. | Trường Trung học phổ thông Phụ Dực | Xã Phụ Dực, Tỉnh Hưng Yên |

| | | |
|-----|---|-------------------------------------|
| 39. | Trường Trung học phổ thông Tây Thụy Anh | Xã Thụy Anh, Tỉnh Hưng Yên |
| 40. | Trường Trung học phổ thông Đông Thụy Anh | Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên |
| 41. | Trường Trung học phổ thông Thái Phúc | Xã Bắc Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên |
| 42. | Trường Trung học phổ thông Thái Ninh | Xã Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên |
| 43. | Trường Trung học phổ thông Tiên Hưng | Xã Tiên Hưng, Tỉnh Hưng Yên |
| 44. | Trường Trung học phổ thông Bắc Đông Quan | Xã Đông Hưng, Tỉnh Hưng Yên |
| 45. | Trường Trung học phổ thông Nam Đông Quan | Xã Đông Quan, Tỉnh Hưng Yên |
| 46. | Trường Trung học phổ thông Mê Linh | Xã Bắc Tiên Hưng, Tỉnh Hưng Yên |
| 47. | Trường Trung học phổ thông Phạm Quang Thắm | Xã Vũ Tiên, Tỉnh Hưng Yên |
| 48. | Trường Trung học phổ thông Vũ Tiên | Xã Thụ Vũ, Tỉnh Hưng Yên |
| 49. | Trường Trung học phổ thông Lý Bôn | Xã Thụ Trì, Tỉnh Hưng Yên |
| 50. | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi | Xã Vũ Thụ, Tỉnh Hưng Yên |
| 51. | Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đức Cảnh | Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên |
| 52. | Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn | Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên |
| 53. | Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Bình | Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên |
| 54. | Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám | Xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên |
| 55. | Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hưng Yên | Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên |
| 56. | Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thái Bình | Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên |
| 57. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quỳnh Phụ | Xã Quỳnh Phụ, Tỉnh Hưng Yên |
| 58. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hưng Hà | Xã Hưng Hà, Tỉnh Hưng Yên |
| 59. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đông Hưng | Xã Đông Hưng, Tỉnh Hưng Yên |
| 60. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thái Thụy | Xã Thái Thụy, Tỉnh Hưng Yên |
| 61. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tiên Hải | Xã Tiên Hải, Tỉnh Hưng Yên |
| 62. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kiến Xương | Xã Kiến Xương, Tỉnh Hưng Yên |
| 63. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thái Bình | Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên |
| 64. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vũ Thụ | Xã Vũ Thụ, Tỉnh Hưng Yên |
| 65. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Yên Mỹ | Xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên |
| 66. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ân Thi | Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên |
| 67. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phố Hiến | Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên |
| 68. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Văn Lâm | Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên |
| 69. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Văn Giang | Xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên |

| | | |
|-----|---|----------------------------------|
| 70. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Mỹ Hào | Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |
| 71. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Khoái Châu | Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên |
| 72. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kim Động | Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên |
| 73. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tiên Lữ | Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên |
| 74. | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phù Cừ | Xã Đoàn Đào, tỉnh Hưng Yên |
| 75. | Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên | Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên |
| 76. | Trường trung cấp cho Người khuyết tật Thái Bình | Phường Trà Lý, Tỉnh Hưng Yên |